

Số: 16 /NQ-HĐND

Hội Phú, ngày 07 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội,**  
**đảm bảo quốc phòng- an ninh phường Hội Phú năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI PHÚ,**  
**KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;  
Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND, ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh  
Gia Lai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ  
trọng tâm cho các xã, phường (mới) trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025;  
Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 30/7/2025 của UBND phường về việc  
đề nghị thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo  
quốc phòng - an ninh năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày  
04/8/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu  
HĐND phường tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2025 phường Hội Phú với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Mục tiêu:** Xác định 6 tháng cuối năm 2025 là giai đoạn đặc biệt quan trọng đối với phường Hội Phú. Đây là thời kỳ khởi đầu, đặt nền móng cho sự phát triển của đơn vị hành chính mới, phường trực thuộc tỉnh. Mục tiêu trọng tâm là ổn định hệ thống bộ máy, đồng thời tập trung cao độ để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh được UBND tỉnh giao, làm cơ sở để đánh giá năng lực quản lý của chính quyền phường mới hình thành theo mô hình hành chính mới. Trong đó, tiếp tục mở rộng quy mô thương mại - dịch vụ, ổn định sản xuất công nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; Thực hiện đồng bộ các giải pháp về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

Tăng cường thu ngân sách nhà nước, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để chỉnh trang các công trình hạ tầng đô thị; Quan tâm đến công tác giáo dục - đào tạo, thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống của người dân nhất là tại các làng đồng bào dân tộc thiểu số; Giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

**2. Các chỉ tiêu năm 2025 (phụ lục kèm theo)**

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND phường Hội Phú triển khai thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2025 đã được HĐND phường Hội Phú khóa XIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua.

2. Thường trực HĐND phường Hội Phú, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa- Xã hội, các tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND phường Hội Phú, khóa XIII - Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh Gia Lai (để báo cáo);
- UBND tỉnh Gia Lai (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy phường (để báo cáo);
- Thường trực HĐND phường;
- Các Ban Kinh tế-Ngân sách; Văn hóa-Xã hội;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các cơ quan, phòng chuyên môn phường;
- Website: <http://hoiphu.gialai.gov.vn>;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT.



**Võ Phúc Ánh**

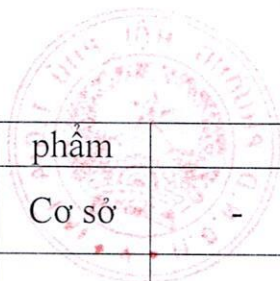




## CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 16./NQ-HĐND, ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường)

| Stt      | Nội dung chỉ tiêu                                                            | Đv tính | Kế hoạch 6 tháng cuối năm | Kế hoạch năm 2025 | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------|-------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Về các lĩnh vực Kinh tế</b>                                               |         |                           |                   |         |
| 1        | Tốc độ tăng giá trị sản phẩm                                                 | %       | 8,03                      | 6,18              |         |
|          | + Nông, lâm nghiệp và thủy sản                                               | %       | 4,12                      | 3,67              |         |
|          | + Công nghiệp, xây dựng                                                      | %       | 8,19                      | 5,75              |         |
|          | + Dịch vụ                                                                    | %       | 8,25                      | 6,57              |         |
| 2        | Kim ngạch xuất khẩu                                                          | Tỷ đồng | 38.040                    | 132.040           |         |
| 3        | Tổng thu ngân sách trên địa bàn                                              | Tỷ đồng | 16.600                    | 33.210            |         |
| 4        | Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ                                         | Tỷ đồng | 2.342,72                  | 4.537,77          |         |
| 5        | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế                                          | %       | 94,65                     | 94,65             |         |
| 6        | Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều                                                 | %       | 0,02                      | 0,02              |         |
| 7        | Bảo hiểm xã hội tự nguyện                                                    | Người   | 148                       | 476               |         |
| 8        | Tạo việc làm mới                                                             | Người   | 411                       | 850               |         |
| 9        | Tỷ lệ che phủ rừng                                                           | %       | 9,12                      | 9,12              |         |
| 10       | Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung        | %       | 47,10                     | 47,10             |         |
| 11       | Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom                                    | %       | 90                        | 90                |         |
| 12       | Thu hút dự án mới                                                            | Dự án   | -                         | 01                |         |
| 13       | Phòng chống lấn chiếm đất đai                                                | Số vụ   | -                         | -                 |         |
| 14       | Giải phóng mặt bằng                                                          |         |                           |                   |         |
| -        | Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn | %       | ≥ 50                      | ≥ 50              |         |
| 15       | Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới                   | %       | 70                        | 70                |         |
| 16       | Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền                       | %       | 85                        | 85                |         |
| 17       | Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch HĐND tỉnh giao               | %       | 100                       | 100               |         |
| 18       | Phát triển sản phẩm du lịch mới                                              | Sản     | -                         |                   |         |



|           |                                                                                    |       |     |     |  |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----|--|
|           |                                                                                    | phẩm  |     |     |  |
| 19        | Xây dựng mới cơ sở giết mổ động vật tập trung                                      | Cơ sở | -   |     |  |
| 20        | Hình thành mới chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn | Chuỗi | -   |     |  |
| <b>II</b> | <b>Quốc phòng, an ninh</b>                                                         |       |     |     |  |
| 1         | Xây dựng lực lượng                                                                 | %     | 100 | 100 |  |
| 2         | Giao quân                                                                          | %     | 100 | 100 |  |
| 3         | Đảm bảo về ANTT                                                                    | Đạt   | Đạt | Đạt |  |